

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2020

*V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi
con chung và đòi tài sản"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Thân Văn Kỳ**

2. Ông **Lê Văn Lâu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 752/2019/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung và Đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phùng Thị Kim H**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp 04, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh **Mai Văn C**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có mặt tại phiên tòa; anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện không đề ngày tháng và đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phùng Thị Kim H** trình bày: Chị và anh **Mai Văn C** xác lập quan hệ vợ chồng vào tháng 07/2018, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc được khoảng nửa tháng thì phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ vợ chồng luôn từ đó đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh C thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm, chăm lo cho gia đình và hay mắng chửi chị. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung tên Mai Phùng Quốc Th, sinh ngày 05/02/2019. Hiện do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị có tài sản riêng là chiếc xe Honda hiệu Wave màu đỏ đen bạc, biển số 62F1-167.48 do chị đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô, xe máy được cấp ngày 06/09/2018. Hiện chiếc xe do anh C đang quản lý, sử dụng. Nay chị yêu cầu anh C trả lại cho chị chiếc xe nêu trên.

Tại Tờ tự khai không đề ngày tháng năm, bị đơn anh Mai Văn C trình bày: Anh và chị H kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 06/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ vợ chồng luôn đến nay. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Phùng Quốc Th, sinh ngày 05/02/2019. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Riêng đối với bị đơn anh C vi phạm quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh C, giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh C không có thu nhập ổn định nên chị H yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là cao. Căn cứ vào công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao, là không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh buộc anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng. Buộc anh C trả lại cho chị H xe mô tô biển kiểm soát 62F1 - 167.48.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Xét thấy, anh Mai Văn C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị H khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân, nuôi con chung và giao dịch dân sự về đòi tài sản giữa chị và anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện B, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung và đòi tài sản giữa chị và anh C nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung và đòi tài sản theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 166 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Kim H và anh Mai Văn C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2018 ngày 20/7/2018 nên xác định hôn nhân của anh – chị là hợp pháp. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc được khoảng nửa tháng thì phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ vợ chồng luôn từ đó đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh C thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm, chăm lo cho gia đình và hay mắng chửi chị. Còn anh C, tại Tờ tự khai không đề ngày tháng do anh giao nộp cho Tòa án thì anh cho rằng vợ chồng có bất đồng ý kiến nhưng anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình Tòa án triệu tập anh để hòa giải cũng như phiên tòa xét xử, anh C vẫn cố tình vắng mặt không lý do, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H. Đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và cho chị H được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung tên Mai Phùng Quốc Th, sinh ngày 05/02/2019. Hiện do chị H đang nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay cũng đã ổn định. Con chung cũng còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung, nên tiếp tục giao cháu Th cho chị H nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, anh C là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu là cao. Vì theo lời chị H khai anh C không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, nên cần điều chỉnh lại mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với khả năng, thu nhập của anh C tính theo lao động tự do ở địa phương hiện nay. Do vậy, buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng

là phù hợp với quy định tại các Điều 110, Điều 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Đối với yêu cầu đòi tài sản của chị H: Về chiếc xe Honda hiệu Wave màu đỏ đen bạc, biển số 62F1-167.48 do chị H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, được cấp giấy ngày 06/09/2018 trong thời gian anh chị sống chung, sau khi anh chị đăng ký kết hôn chỉ được hơn 01 tháng. Theo lời chị H khai nguồn tiền mua xe là của cha mẹ chị cho chị mua riêng nên chị đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và hiện do chị giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy. Đồng thời, theo bản tự khai không đề ngày anh C khai vợ chồng không có tài sản chung. Hơn nữa, anh C đã được Tòa án thông báo việc chị H đòi lại chiếc xe Honda hiệu Wave màu đỏ đen bạc, biển số 62F1-167.48 mà hiện do anh C đang quản lý, sử dụng, nhưng anh không cung cấp ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa, xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình và xác định xe Honda hiệu Wave màu đỏ đen bạc, biển số 62F1-167.48 là tài sản riêng của chị H. Xét yêu cầu chị H yêu cầu anh C trả lại cho chị chiếc xe nêu trên là có căn cứ phù hợp với Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 166 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị H, buộc anh C trả cho chị H 01 chiếc xe Honda hiệu Wave màu đỏ đen bạc, biển số 62F1-167.48, số máy JA39E0643896, số khung 390XHY666236.

[3]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và trả lại tài sản theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức cấp dưỡng nuôi con căn cứ theo Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao, là không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu tại thời điểm xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 745.000 đồng. Xét đề nghị này của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp theo Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, căn cứ vào công lao động phổ thông tại địa phương hiện nay khoảng từ 200.000 đồng – 300.000 đồng/ngày. Đồng thời, căn cứ vào mức sống và chi phí nuôi con trung bình ở địa phương hiện nay theo mức cấp dưỡng Kiểm sát viên đề nghị là thấp, nên điều chỉnh buộc anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp. Do vậy, chỉ chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị Kim H.

Cho chị Phùng Thị Kim H được ly hôn với anh Mai Văn C.

2. Về con chung:

- Tiếp tục giao con chung tên Mai Phùng Quốc Th, sinh ngày 05/02/2019 cho chị H nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H.

Buộc anh Mai Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần tiền cấp dưỡng, nếu anh C chậm thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Xác định xe Honda hiệu Wave màu đỏ đen bạc, biển số 62F1-167.48 là tài sản riêng của chị Phùng Thị Kim H.

- Chấp nhận yêu cầu đòi tài sản là chiếc xe Honda hiệu Wave, biển số 62F1-167.48.

Buộc anh Mai Văn C trả cho chị Phùng Thị Kim H 01 xe Honda hiệu Wave màu đỏ đen bạc, biển số 62F1-167.48, số máy JA39E0643896, số khung 390XHY666236.

5. Về án phí:

- Chị H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 675.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0002628 và 0002627 cùng ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên chị được hoàn lại 375.000 đồng.

- Anh C chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 764.575 đồng án phí giao trả tài sản.

6. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh C được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc A, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN